

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán	5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 22

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

Địa chỉ: Số 225 Đại lộ Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp HCM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chương Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Chương Dương là Công ty Cổ phần, được chuyển đổi từ Công ty Xây lắp thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 1 theo Quyết định số 1589/QĐ-BXD ngày 20/11/2003 của Bộ Xây dựng về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xây lắp thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 1 thành Công ty cổ phần. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103002011 ngày 29/12/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07/10/2011 với số đăng ký kinh doanh là 0303146167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường), bến cảng, sân bay; Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện từ 0,4KV đến 110KV;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, đóng và ép cọc; Sản xuất, kinh doanh cấu kiện kim loại theo tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn;
- Dịch vụ cho thuê và kinh doanh quản lý nhà cao tầng; Kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp; Thiết kế, chế tạo, gia công và lắp đặt thiết bị áp lực và thiết bị nâng; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế, kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội, ngoại thất công trình; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng; Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thi công lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy; Dịch vụ sản giao dịch bất động sản. Tư vấn, môi giới bất động sản. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở). Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng, kinh doanh bất động sản. Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính kế toán). Giáo dục mầm non. Giáo dục tiểu học. Giáo dục trung học cơ sở (không hoạt động tại trụ sở).

Trụ sở chính của Công ty tại số 225 Đại lộ Võ Văn Kiệt, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 là 149.587.330.000 đồng, tổng số cổ phần là 14.958.733 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Đến thời điểm ngày 31/12/2011, Công ty có 05 Công ty con và 01 Công ty liên kết, cụ thể:

Các Công ty con

Tên	Vốn điều lệ	Vốn thực góp tại 31/12/2011	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Chương Dương số 1	2.000.000.000	1.300.000.000	65,00%
Công ty TNHH Thương mại Chương Dương	20.000.000.000	20.000.000.000	100,00%
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Chương Dương	1.000.000.000	128.908.967	12,89%
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Thuận Thành Phát	150.000.000.000	126.390.100.886	84,26%
Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Sài Gòn	2.000.000.000	132.926.281	6,65%

Công ty liên kết

Công ty cổ phần Tháp Nam Việt	5.000.000.000	1.300.000.000	26,00%
-------------------------------	---------------	---------------	--------

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

Địa chỉ: Số 225 Đại lộ Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp HCM

- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chương Dương phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2012

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Mai Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

Địa chỉ: Số 225 Đại lộ Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp HCM

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 06 đến trang 22 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Trần Mai Cường	Chủ tịch
Ông Văn Minh Hoàng	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Trung Chính	Thành viên
Ông Thái Văn Thọ	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đạt	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Mai Cường	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/10/2011
Ông Lê Văn Chính	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/10/2011
Ông Thái Văn Thọ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Văn Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng bao gồm

Ông Lê Hữu Hòa	Trưởng ban	
Ông Phạm Văn Hợi	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên	
Ông Văn Minh Hoàng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 08/3/2011
Ông Vũ Sinh Thiện	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 08/3/2011

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA).

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		430.527.537.825	476.373.252.864
I. Nợ ngắn hạn	310		373.717.781.403	417.547.375.962
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	183.604.035.485	151.190.950.285
2. Phải trả người bán	312		59.631.546.488	154.160.909.847
3. Người mua trả tiền trước	313		30.671.106.220	11.941.275.341
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	25.685.028.659	28.503.757.494
5. Phải trả công nhân viên	315		3.525.610.867	5.961.003.869
6. Chi phí phải trả	316	V.14	40.309.497.593	36.434.489.733
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	28.753.233.383	26.875.066.685
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.537.722.708	2.479.922.708
II. Nợ dài hạn	330		56.809.756.422	58.825.876.902
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.16	6.176.984.770	6.992.818.214
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	50.007.400.000	51.742.119.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		435.869.577	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		189.502.075	90.939.688
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		250.827.063.602	246.240.173.814
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	250.827.063.602	246.240.173.814
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		149.587.330.000	124.657.150.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		77.142.009.600	77.142.009.600
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.015.010.370	13.480.100.370
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.407.948.206	5.407.948.206
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		17.674.765.426	25.552.965.638
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		252.115.006	168.954.609
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		681.606.716.433	722.782.381.286

Số 1526/BCKT/TC/NV5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ phần Chương Dương

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chương Dương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Chương Dương được lập ngày 26/03/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 06 đến trang 22 kèm theo.

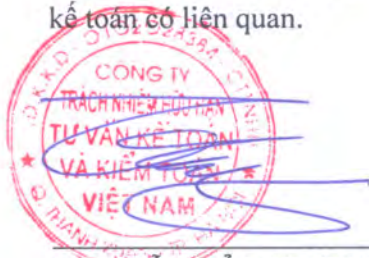
Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chương Dương tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định hiện hành về kế toán có liên quan.



NGUYỄN BẢO TRUNG

Phó Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0373/KTV



NGUYỄN VIỆT LONG

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0692/KTV

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ
KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		604.093.134.275	639.113.751.454
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.010.494.032	25.339.546.966
1. Tiền	111	V.01	10.010.494.032	24.739.546.966
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	600.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	7.905.434.900	24.313.229.600
1. Đầu tư ngắn hạn	121		10.894.428.209	26.134.478.209
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		(2.988.993.309)	(1.821.248.609)
III. Các khoản phải thu	130		214.597.411.369	263.848.376.733
1. Phải thu của khách hàng	131		174.772.675.016	242.696.654.823
2. Trả trước cho người bán	132		50.984.212.110	30.090.918.383
4. Phải thu theo tiến độ HĐXD	134		25.000.000	25.000.000
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	2.555.261.017	2.569.242.311
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(13.739.736.774)	(11.533.438.784)
IV. Hàng tồn kho	140		345.618.309.472	309.505.437.025
1. Hàng tồn kho	141	V.04	345.618.309.472	309.505.437.025
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.961.484.502	16.107.161.130
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		792.603.940	16.476.199
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		82.016.030	69.534.397
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	25.086.864.532	16.021.150.534
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		77.513.582.158	83.668.629.832
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		24.500.894.684	27.810.461.776
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	21.738.374.622	24.813.599.318
- Nguyên giá	222		59.074.557.929	60.227.616.390
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(37.336.183.307)	(35.414.017.072)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	2.762.520.062	2.996.862.458
- Nguyên giá	228		4.686.848.000	4.686.848.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(1.924.327.938)	(1.689.985.542)
III. Bất động sản đầu tư	240	V.08	46.081.759.874	48.531.749.023
- Nguyên giá	241		50.953.767.209	52.257.110.810
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(4.872.007.335)	(3.725.361.787)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	5.093.234.297	5.093.152.646
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		593.234.297	593.152.646
3. Đầu tư dài hạn khác	258		4.500.000.000	4.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.837.693.303	2.233.266.387
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.785.035.303	1.985.316.927
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.11	52.658.000	247.949.460
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		681.606.716.433	722.782.381.286

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	007		-	-
6. Dự toán chi hoạt động	008		-	-

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Hồng Nga

Văn Minh Hoàng

Trần Mai Cường

KẾ TOÁN TRƯỞNG

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.19	269.448.394.848	382.406.853.967
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		269.448.394.848	382.406.853.967
4. Giá vốn hàng bán	11	V.20	226.798.509.951	319.577.889.128
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.649.884.897	62.828.964.839
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.21	2.723.390.161	3.558.691.646
7. Chi phí tài chính	22	V.22	11.263.822.756	12.878.384.887
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.788.050.131	11.409.704.764
8. Chi phí bán hàng	24		1.091.747.556	671.843.347
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.652.611.665	14.168.498.406
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.365.093.081	38.668.929.845
11. Thu nhập khác	31		1.510.141.562	889.443.705
12. Chi phí khác	32		452.593.589	838.034.882
13. Lợi nhuận khác	40		1.057.547.973	51.408.823
14. Phần lợi nhuận lãi lỗ trong công ty liên kết	50		-	(182.106.200)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		23.422.641.054	38.538.232.468
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	V.23	5.817.485.916	9.861.223.177
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		435.869.577	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	70		17.169.285.561	28.677.009.291
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	71		104.272.056	(68.041.404)
18.2. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	72		17.065.013.505	28.745.050.695
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	73	V.18.4	1.291	2.556

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Bùi Thị Hồng Nga

Bùi Thị Hồng Nga

Kế toán trưởng

Văn Minh Hoàng

Văn Minh Hoàng

Tổng Giám đốc



Trần Mai Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	(51.712.477.541)	(71.963.901.272)
1. Lợi nhuận trước thuế	23.422.641.054	38.538.232.468
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao tài sản cố định	4.597.923.862	5.674.511.500
- Các khoản dự phòng	1.371.171.400	1.191.261.121
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	(349.126.119)	26.908.967
- Chi phí lãi vay	9.788.050.131	(11.409.704.764)
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	38.830.660.328	34.021.209.292
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	37.966.471.743	30.437.883.698
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	(36.112.872.447)	(53.498.064.040)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(71.453.326.634)	(70.149.711.795)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	(575.846.117)	7.009.648.774
- Tiền lãi vay đã trả	(9.788.050.131)	(11.409.704.764)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(10.381.910.098)	(8.275.712.688)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.766.428.489	16.516.114
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.964.032.675)	(115.965.863)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	18.170.773.407	(147.003.898.427)
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(158.948.739)	(7.793.104.683)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	366.363.636	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(27.000.000.000)	(12.451.500.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	42.301.500.000	348.338.082
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(61.531.651)	(127.108.631.826)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	2.723.390.161	1.000.000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	18.212.651.200	205.251.392.401
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	208.908.567.568
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	326.691.429.580	284.101.349.607
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(296.013.063.380)	(275.292.809.774)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(12.465.715.000)	(12.465.715.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(15.329.052.934)	(13.716.407.298)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	25.339.546.966	39.055.954.264
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	10.010.494.032	25.339.546.966

Người lập biểu



Bùi Thị Hồng Nga

Kế toán trưởng



Văn Minh Hoàng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Tổng Giám đốc





Trần Mai Cường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Chương Dương là Công ty cổ phần, được chuyển đổi từ Công ty Xây lắp thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 1 theo Quyết định số 1589/QĐ-BXD ngày 20/11/2003 của Bộ Xây dựng về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xây lắp thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 1 thành Công ty cổ phần. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103002011 ngày 29/12/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07/10/2011 với số đăng ký kinh doanh là 0303146167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 225 Đại lộ Võ Văn Kiệt, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường), bến cảng, sân bay; Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện từ 0,4KV đến 110KV;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, đóng và ép cọc; Sản xuất, kinh doanh cấu kiện kim loại theo tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn;
- Dịch vụ cho thuê và kinh doanh quản lý nhà cao tầng; Kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp; Thiết kế, chế tạo, gia công và lắp đặt thiết bị áp lực và thiết bị nâng; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế, kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội, ngoại thất công trình; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng; Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thi công lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy; Dịch vụ sản giao dịch bất động sản. Tư vấn, môi giới bất động sản. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở). Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng, kinh doanh bất động sản. Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính kế toán). Giáo dục mầm non. Giáo dục tiểu học. Giáo dục trung học cơ sở (không hoạt động tại trụ sở).

3. Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty phản ánh toàn bộ tình hình tài chính, kết quả kinh doanh liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp được sử dụng để lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

Tên Doanh nghiệp	Quan hệ	Địa chỉ
Công ty cổ phần Chương Dương	Công ty mẹ	Số 225 Đại lộ Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp HCM
Công ty TNHH Chương Dương số 1	Công ty con	Số 245C Nguyễn Trãi, Quận 1, Tp HCM
Công ty TNHH Thương mại Chương Dương	Công ty con	Số 225 Đại lộ Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp HCM
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Chương Dương	Công ty con	Số 225 Đại lộ Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp HCM

Tên Doanh nghiệp	Quan hệ	Địa chỉ
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Thuận Thành Phát	Công ty con	Số 33/3 Đường 12, P.Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Tp HCM
Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Sài Gòn	Công ty con	Số 225 Đại lộ Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp HCM
Công ty cổ phần Tháp Nam Việt	Công ty liên kết	Số 225 Đại lộ Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp HCM

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo phương pháp vốn chủ sở hữu;

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm các Báo cáo kế toán của Công ty mẹ - Công ty cổ phần Chương Dương và các Đơn vị thành viên hạch toán độc lập do Công ty sở hữu và nắm quyền kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực, trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo của các Đơn vị thành viên sẽ hợp nhất từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thúc hiệu lực kiểm soát;

Giá trị hợp lý tài sản thuần của Công ty con tại ngày mua được xác định theo giá trị sổ kế toán.

2. Cơ sở hạch toán kế toán và nguyên tắc định giá

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được soạn thảo dựa trên nguyên tắc kế toán dồn tích và được ghi sổ theo nguyên tắc giá phí.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên;

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm tài chính, là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó. Khi thanh lý, bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ;

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán;

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng, mức trích khấu hao đối với nhà là 30 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, trừ khi:

- Khoản đầu tư này dự kiến sẽ được thanh lý trong tương lai gần (dưới 12 tháng); hoặc
- Công ty liên kết hoạt động theo các quy định hạn chế khắt khe dài hạn làm cản trở đáng kể việc chuyển giao vốn cho nhà đầu tư.

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi hoặc lỗ của bên nhận đầu tư sau ngày đầu tư. Khoản được phân chia từ bên nhận đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải được thực hiện khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Những thay đổi trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư có thể bao gồm những khoản phát sinh từ việc đánh giá lại TSCĐ và các khoản đầu tư, chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ và những điều chỉnh các chênh lệch phát sinh khi hợp nhất kinh doanh;

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là tương đương tiền;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”;

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn, lợi thế thương mại được phân bổ dần từ 2 đến 10 năm vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thoả mãn các điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, lãi kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ và chênh lệch giá mua giá bán chứng khoán.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính;
- Chênh lệch giá mua bán chứng khoán;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 . Tiền	Ngày 31/12/2011		Ngày 01/01/2011	
	VND		VND	
Tiền mặt tại quỹ	2.277.847.542		9.182.591.480	
Tiền gửi ngân hàng	7.732.646.490		15.556.955.486	
Cộng	10.010.494.032		24.739.546.966	
2 . Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Ngày 31/12/2011		Ngày 01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn		4.826.428.209		4.764.978.209
- Cty CP Chứng khoán Sài Gòn	8.000	374.935.000	8.000	374.935.000
- Cty CP Cơ điện lạnh Việt Nam	14.960	492.984.000	14.960	492.984.000
- Cty CP Cáp và Vật liệu viễn thông	3.600	176.642.000	3.600	176.642.000
- N/hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	33.300	551.283.724	28.957	507.853.724
- Cty CP Phân đạm và Hóa chất dầu khí	5.000	239.979.000	5.000	239.979.000
- TCT Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	4.050	112.053.250	4.050	112.053.250
- Cty CP Xi măng Bim Sơn	5.000	87.718.750	5.000	87.718.750
- N/hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	14.400	341.476.800	14.400	341.476.800
- Cty CP Xi măng Hoàng Mai	6.000	105.289.800	6.000	105.289.800
- Cty CP Đầu tư TM Thủy sản	4.730	92.551.230	4.730	92.551.230
- Cty CP Nhiệt điện Phả Lại	3.000	86.659.200	3.000	86.659.200
- TCT CP Tài chính Dầu khí Việt Nam	20.400	673.329.125	17.000	673.329.125
- Cty CP Vận tải Dầu khí	23.100	328.127.630	23.100	328.127.630
- TCT CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3.699	36.989.700	3.699	36.989.700
- N/hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	24.000	666.884.000	24.000	666.884.000
- Cty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	6.000	156.315.000	6.000	156.315.000
- N/hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	7.265	303.210.000	5.463	285.190.000
Đầu tư trái phiếu ngắn hạn		68.000.000		68.000.000
- Cty CP Cơ điện lạnh Việt Nam	68	68.000.000	68	68.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác		6.000.000.000		21.301.500.000
- Ngân hàng NN & PTNT Chi Nhánh 11		-		15.000.000.000
- Ngân hàng NN & PTNT VN Chi Nhánh 4		2.000.000.000		2.000.000.000
- Ngân hàng Quân đội PGD Calmette		-		301.500.000
- Ngân hàng NN&PTNT Chi Nhánh 11		4.000.000.000		4.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(2.988.993.309)		(1.821.248.609)
Cộng		7.905.434.900		24.313.229.600
3 . Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Ngày 31/12/2011		Ngày 01/01/2011	
	VND		VND	
Phải thu khác	2.555.261.017		2.569.242.311	
Cộng	2.555.261.017		2.569.242.311	
4 . Hàng tồn kho	Ngày 31/12/2011		Ngày 01/01/2011	
	VND		VND	
Nguyên liệu, vật liệu	4.473.337.952		3.097.246.625	
Công cụ, dụng cụ	820.038.737		1.000.409.154	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	340.297.825.741		303.649.641.404	
Hàng hóa	27.107.042		1.758.139.842	
Cộng	345.618.309.472		309.505.437.025	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

Địa chỉ: Số 225 Đại lộ Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

5 . Tài sản ngắn hạn khác

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	73.771.363	73.771.363
Tạm ứng	24.576.917.523	15.542.637.838
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	436.175.646	404.741.333
Cộng	25.086.864.532	16.021.150.534

6 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu năm	15.030.856.301	24.020.510.147	19.930.694.562	1.245.555.380	60.227.616.390
Số tăng trong năm	-	63.000.000	-	95.948.739	158.948.739
- Mua trong năm	-	63.000.000	-	95.948.739	158.948.739
Số giảm trong năm	-	124.408.500	1.187.598.700	-	1.312.007.200
- Thanh lý, nhượng bán	-	124.408.500	1.187.598.700	-	1.312.007.200
Số dư cuối năm	15.030.856.301	23.959.101.647	18.743.095.862	1.341.504.119	59.074.557.929
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	7.997.030.606	16.503.503.317	10.108.877.555	804.605.594	35.414.017.072
Số tăng trong năm	600.826.992	1.258.461.284	1.197.682.036	159.965.606	3.216.935.918
- Khấu hao trong năm	600.826.992	1.258.461.284	1.197.682.036	159.965.606	3.216.935.918
Số giảm trong năm	-	124.408.500	1.170.361.183	-	1.294.769.683
- Thanh lý, nhượng bán	-	124.408.500	1.170.361.183	-	1.294.769.683
Số dư cuối năm	8.597.857.598	17.637.556.101	10.136.198.408	964.571.200	37.336.183.307
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	7.033.825.695	7.517.006.830	9.821.817.007	440.949.786	24.813.599.318
Tại ngày cuối năm	6.432.998.703	6.321.545.546	8.606.897.454	376.932.919	21.738.374.622

7 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	4.686.848.000	-	4.686.848.000
Số dư cuối năm	4.686.848.000	-	4.686.848.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.689.985.542	-	1.689.985.542
Số tăng trong năm	234.342.396	-	234.342.396
- Khấu hao trong năm	234.342.396	-	234.342.396
Số dư cuối năm	1.924.327.938	-	1.924.327.938
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	2.996.862.458	-	2.996.862.458
Tại ngày cuối năm	2.762.520.062	-	2.762.520.062

8 . Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá BĐS đầu tư	52.257.110.810	-	1.303.343.601	50.953.767.209
Nhà và quyền sử dụng đất	52.257.110.810	-	1.303.343.601	50.953.767.209
II. Giá trị hao mòn lũy kế	3.725.361.787	1.146.645.548	-	4.872.007.335
Nhà và quyền sử dụng đất	3.725.361.787	1.146.645.548	-	4.872.007.335
III. Giá trị còn lại	48.531.749.023	-	-	46.081.759.874
Nhà và quyền sử dụng đất	48.531.749.023	-	-	46.081.759.874

9 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	593.234.297	593.152.646
- Cty CP Tháp Nam Việt	593.234.297	593.152.646
Đầu tư dài hạn khác	4.500.000.000	4.500.000.000
- Cty CP Thủy điện Srok Mieng IDICO	500.000.000	500.000.000
- Cty CP BOT cầu Đồng Nai	4.000.000.000	4.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Cộng	5.093.234.297	5.093.152.646
10 . Chi phí trả trước dài hạn	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	1.705.035.303	1.865.316.927
Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	80.000.000	120.000.000
Cộng	1.785.035.303	1.985.316.927
11 . Tài sản dài hạn khác	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	52.658.000	247.949.460
Cộng	52.658.000	247.949.460
12 . Vay và nợ ngắn hạn	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	183.604.035.485	151.139.350.285
- Ngân hàng ĐT & PT tỉnh Đồng Nai	34.430.978.100	34.479.743.618
- Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh 3	8.180.794.000	10.000.000.000
- Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh 9	494.000.000	-
- Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh 11	43.398.263.385	34.471.219.693
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	91.400.000.000	70.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN HCM	-	2.188.386.974
- Ngân hàng Vietbank	5.700.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	51.600.000
- Ngân hàng VID Public - Chi nhánh Tp HCM	-	51.600.000
Cộng	183.604.035.485	151.190.950.285
13 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	11.717.363.810	9.664.586.385
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.603.080.114	18.167.504.296
Thuế thu nhập cá nhân	256.028.262	385.713.542
Các loại thuế khác	108.556.473	285.953.271
Cộng	25.685.028.659	28.503.757.494
<p>Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.</p>		
14 . Chi phí phải trả	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Chi phí phải trả nhà thầu về xây dựng công trình	40.309.497.593	36.434.489.733
Cộng	40.309.497.593	36.434.489.733

15 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	2.807.933	2.807.933
Kinh phí công đoàn	1.544.299.105	1.312.571.980
Bảo hiểm xã hội	1.262.100.944	260.596.033
Bảo hiểm y tế	324.465.669	27.936.458
Bảo hiểm thất nghiệp	124.000.008	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.495.559.724	25.271.154.281
Cộng	28.753.233.383	26.875.066.685

16 . Phải trả dài hạn khác	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	6.176.984.770	6.992.818.214
Cộng	6.176.984.770	6.992.818.214

17 . Vay dài hạn và nợ dài hạn	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	50.007.400.000	51.742.119.000
- Công ty Tài chính Cao Su ⁽¹⁾	50.000.000.000	50.000.000.000
- Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh 11	-	1.683.119.000
- Ngân hàng VID Public - Chi nhánh Tp HCM	7.400.000	59.000.000
Cộng	50.007.400.000	51.742.119.000

⁽¹⁾ Vay Công ty Tài chính Cao Su, lãi suất 21,5%/năm. Tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dự án khu chung cư cao tầng Tân Hương. Mục đích vay là đầu tư dự án khu chung cư cao tầng Tân Hương. Thời hạn vay là 24 tháng, lãi được trả hàng tháng.

18 . Vốn chủ sở hữu

18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số	Tăng	Giảm	Số
	đầu năm	trong năm	trong năm	cuối năm
Vốn đầu tư của CSH ⁽¹⁾	124.657.150.000	24.930.180.000	-	149.587.330.000
Thặng dư vốn cổ phần	77.142.009.600	-	-	77.142.009.600
Quỹ đầu tư phát triển	13.480.100.370	-	12.465.090.000	1.015.010.370
Quỹ dự phòng tài chính	5.407.948.206	-	-	5.407.948.206
LN chưa phân phối	25.552.965.638	17.065.013.505	24.943.213.717	17.674.765.426
Cộng	246.240.173.814	41.995.193.505	37.408.303.717	250.827.063.602

⁽¹⁾ Tăng vốn trong kỳ từ quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối năm 2010.

18.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
		VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	23,77%	35.555.700.000	29.629.760.000
Vốn góp của cổ đông khác	76,23%	114.031.630.000	95.027.390.000
Cộng	100,00%	149.587.330.000	124.657.150.000

18.3. Cổ phiếu

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.958.733	12.465.715
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.958.733	12.465.715
- Cổ phiếu phổ thông	14.958.733	12.465.715
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.958.733	12.465.715
- Cổ phiếu phổ thông	14.958.733	12.465.715
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

18.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.065.013.505	28.745.050.695
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LN kế toán để xác định LN hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.065.013.505	28.745.050.695
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.213.621	11.246.951
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.291	2.556

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
19 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu xây lắp	185.487.403.746	290.476.629.454
Doanh thu dự án	33.015.187.632	41.323.912.713
Doanh thu bán vật tư	15.736.314.737	16.832.892.859
Doanh thu cho thuê nhà, văn phòng	35.209.488.733	32.240.837.041
Doanh thu khác	-	1.532.581.900
Cộng	269.448.394.848	382.406.853.967
20 . Giá vốn hàng bán		
Giá vốn xây lắp	174.700.112.929	274.044.029.584
Giá vốn dự án	27.305.430.242	16.975.169.804
Giá vốn bán vật tư	12.483.674.769	14.393.485.938
Giá vốn cho thuê nhà, văn phòng	12.309.292.011	12.591.845.441
Giá vốn khác	-	1.573.358.361
Cộng	226.798.509.951	319.577.889.128
21 . Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.326.043.461	2.812.795.866
Lãi từ chuyển nhượng chứng khoán	245.890.200	530.662.529
Cổ tức, lợi nhuận được chia	151.456.500	215.233.251
Cộng	2.723.390.161	3.558.691.646
22 . Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	9.788.050.131	11.409.704.764
Kinh doanh chứng khoán	351.284	569.436.482
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.371.171.400	731.211.318
Chi phí tài chính khác	104.249.941	168.032.323
Cộng	11.263.822.756	12.878.384.887
23 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.817.485.916	9.861.223.177
Cộng	5.817.485.916	9.861.223.177

VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về các bên liên quan

Tổng tiền lương và thưởng của các thành viên lãnh đạo chủ chốt	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Ban Giám đốc	1.132.581.262	1.501.880.000
Cộng	1.132.581.262	1.501.880.000

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2010 chuyển sang ngày 01/01/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.

Người lập biểu



Bùi Thị Hồng Nga

Kế toán trưởng



Văn Minh Hoàng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Tổng Giám đốc



Trần Mai Cường